

Bản án số: 148/2023/DS-ST

Ngày: 26-9-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Bà Nguyễn Thị Phương Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Minh B**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh Cũ, xã P, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị Cẩm H**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện G, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Bá trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và bà Đặng Thị Cẩm H có quan hệ hàng xóm quen biết gần gũi nên ngày 06/3/2022 âm lịch (nhằm ngày 06/4/2022 dương lịch) bà N có cho bà H vay số tiền 40.000.000 đồng, bà H hẹn thời gian 20 ngày sau sẽ trả lại tiền. Đến ngày 08/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 06/6/2022 dương lịch) bà N tiếp tục cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng, bà H hẹn 01 tháng sau sẽ trả lại tiền. Cả hai lần vay tiền bà H đều có viết giấy tay mượn tiền. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng, bà H có trả cho bà N được 02 tháng tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng mỗi tháng 2.000.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng, ngoài ra bà H không trả được khoản tiền lãi nào khác.

Tổng cộng bà H vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền nhưng bà H không thực hiện theo như thỏa thuận. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền cho bà N nhưng bà H đều không trả. Ông Lê Văn T là chồng của bà H, mục đích bà H vay tiền là để có vốn làm ăn phục vụ kinh tế gia đình.

Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền vốn vay là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, bà N không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bị đơn là bà Đặng Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà H, ông T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà H, ông T cũng không có ý kiến yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị Cẩm H chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn T chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

Về lãi suất: ghi nhận việc bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn là bà Đặng Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Do quan hệ hàng xóm quen biết nên giữa bà Nguyễn Thị N và bà Đặng Thị Cẩm H có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Bà N cho bà H vay tiền hai lần: lần 01 vào ngày 06/3/2022 (âm lịch) bà N cho bà H vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày; lần 02 là vào ngày 08/5/2022 (âm lịch) bà N cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Cả hai lần vay tiền bà H đều có viết giấy nợ. Đến thời hạn trả tiền thì bà H không thực hiện đúng như thỏa thuận và bà N đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà H trả hết số tiền vốn đã vay nhưng bà H không thực hiện. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do bị đơn bà H vắng mặt nên việc giải quyết yêu cầu của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là:

1. “Giấy mượn tiền” đề ngày 06/3/2022 có thể hiện nội dung: “...Họ tên: Đặng Thị Cẩm H. Hôm nay ngày mùng 6/3/2022 Tôi có mượn của chị Nguyễn Thị N số tiền là 40 triệu (Bốn chục triệu chẵn) thời gian 20 ngày sẽ trả lại.”

2. “Giấy mượn tiền” đề ngày 08/5/2022 có thể hiện nội dung: “Họ tên: Đặng Thị Cẩm H. Hôm nay ngày mùng 8/5/2022 tôi có mượn của số tiền là 10 triệu (mười triệu chẵn) thời gian 01 tháng sẽ trả lại đủ.”

Cả hai Giấy mượn tiền đều có chữ ký và chữ viết họ tên “Đặng Thị Cẩm H”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do. Bà H không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà N đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa bà N và bà H là hợp đồng vay tài sản, có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên.

Phía bà H đã nhận đủ số tiền vay của bà N, có ký tên xác nhận nợ và hẹn trả nợ nhưng đến thời hạn trả nợ thì bà H không thực hiện đúng như thỏa thuận. Xét thấy, bà H đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N nên bà N

khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn vay 50.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới với bà Đặng Thị Cẩm H trả cho bà số tiền vốn vay nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông T không trực tiếp ký tên xác nhận vào giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo để ông T tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T đều vắng mặt, không có văn bản, ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, qua xác minh đối với chính quyền địa phương thì xác định: bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản với bà N thì bà H, ông T cùng chung sống, kinh tế gia đình là do hai vợ chồng cùng chăm lo. Theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định “1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 30...”. Khoản 1, điều 30 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.” Do đó, cần buộc ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả khoản nợ vay trên cho bà N.

Từ những phân tích nêu trên cần buộc bà H, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

[2.3]. Về lãi suất:

Bà N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà H, ông T phải liên đới chịu án phí là 2.500.000 đồng (50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng).

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên bà N được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Đặng Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn vay là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0006020 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang